

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH G

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chiều.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ân, bà Phạm Thị Thỏ.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Khánh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên toà:** Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 16/4/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 16/5/2019, đối với các bị cáo:

1. **Sùng Mí P** (Tên gọi khác: không); Sinh năm: 1986, tại xã P, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: thôn S, xã P, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; Con ông Sùng Sáy S, sinh năm: 1966 và bà Hầu Thị B, sinh năm 1967; Có vợ: Thào Thị S, sinh năm 1990 và con: Có 02 con, con lớn 10 tuổi, con nhỏ 05 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2019 đến ngày 15/01/2019 bị khởi tố bị can và được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019 đến nay.

Có mặt.

2. **Thào Mí P** (Tên gọi khác: không); Sinh năm: 1990, tại xã P, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn S1, xã P, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thào Dũng S, sinh năm 1968 và bà Sùng Thị S, sinh năm 1969; Có vợ: Tráng Thị D, sinh năm 1990 và con: Có 03 con, con lớn 10 tuổi, con nhỏ 6 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2019 đến ngày 15/01/2019 bị khởi tố

bị can và được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019 đến nay.

Có mặt.

3. **Sùng Mí P** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1989, tại xã T, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng P Chúng, sinh năm: 1971 và bà Thào Thị M, sinh năm: 1971; Có vợ: Thào Thị P, sinh năm 1994 và con: Có 05 con, con lớn 08 tuổi, con nhỏ 02 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2019 đến ngày 15/01/2019 bị khởi tố bị can và được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019 đến nay.

Có mặt.

4. **Mua Sè L** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1978, tại xã P, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: S, xã P, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mua Sáu T (Đã Chết) và bà Hờ Thị S, sinh năm 1940; Có vợ: Sùng Thị M, sinh năm 1971 và con: Có 04 con, con lớn 17 tuổi, con nhỏ 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2019 đến ngày 15/01/2019 bị khởi tố bị can và được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019 đến nay.

Có mặt.

5. **Chèo Cù C** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1987, tại xã P, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chèo Văn S, sinh năm 1967 và bà Tần Thị M, sinh năm 1966; Có vợ: Chèo Thị P, sinh năm 1987 và con: Có 05 con, con lớn 14 tuổi, con nhỏ 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2019 đến ngày 15/01/2019 bị khởi tố bị can và được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019 đến nay.

Có mặt.

6. **Giàng Mí C** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1997, tại xã T, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng Chúng T, sinh năm 1981 và bà Sùng Thị T, sinh năm 1982; Có vợ: Thào Thị P, sinh năm 1995 và con: Có 03 con, con lớn 06 tuổi, con nhỏ 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2019 đến ngày 15/01/2019 bị khởi tố bị can và được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019 đến nay.

Có mặt.

7. **Sùng Mí D** (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1997, tại xã P, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: S, xã P, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Sùng Dũng S, sinh năm 1960 và bà Thào Thị S, sinh năm 1957; Có vợ: Chàng Thị D, sinh năm 1995 và con: Có 02 con, con lớn 05 tuổi, con nhỏ 03 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2019 đến ngày 15/01/2019 bị khởi tố bị can và được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2019 đến nay.

Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí P, Thào Mí P, Sùng Mí P, Mua Sè L, Chèo Cù C, Giàng Mí C, Sùng Mí D:* Bà Nguyễn Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H.

Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Mua Mí L, sinh năm: 1997, trú tại: S, xã P, huyện Y, tỉnh H.

Vắng mặt không có lý do.

+ Anh Mua Mí S, sinh năm: 1997, trú tại: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H.

Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Sùng Sè M, sinh năm: 1968, trú tại: S, xã P, huyện Y, tỉnh H.

Có mặt.

+ Anh Chèo Cù P, sinh năm: 1997, trú tại: Thôn B, xã P, huyện Y, tỉnh H.

Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Sùng Sáy S, sinh năm: 1965, trú tại: S, xã P, huyện Y, tỉnh H.

Có mặt.

+ Anh Sùng Mí T, sinh năm: 1997, trú tại: Thôn Cốc Xa, xã Ngọc Long, huyện Y, tỉnh H.

Vắng mặt không có lý do.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Vừ Mí P.

Trú tại: Tổ 04, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh H.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 05/01/2019, Sùng Mí P đang đập đá đồ bê tông để làm sân trước nhà thì có Thào Mí P đến chơi và xem mọi người làm, khi đó Thào Mí P có hỏi Sùng Mí P là “*Có đánh bài không?*”; nghe vậy, Sùng Mí P trả lời “*đánh thì đánh nhưng chưa có người*”. Một lúc sau có Sùng Mí P và Mua Sè L cũng đến nhà Sùng Mí P chơi. Sùng Mí P mời mọi người vào trong nhà uống nước rồi Sùng Mí P đi đến cửa sổ nhà P lấy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài ra đặt ở trên ghế ở giữa nhà P sau đó mọi người tự lấy ghế ngồi quanh chiếc ghế để bộ bài rồi cùng nhau thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây ăn tiền. Mỗi ván cược thấp nhất là 10.000đ, cao nhất là 50.000đ. Hình thức chơi là mỗi người được chia 03 quân bài và đặt cược mỗi người 10.000đ trước sau đó tùy theo số điểm của quân bài mà mỗi người được chia mà đặt

cược thêm hoặc úp bài. Nếu cộng điểm của 03 quân bài được chia mà có điểm thấp thì mọi người sẽ tự úp bài và mất số tiền 10.000đ đã đặt cược. Nếu cộng điểm 03 quân bài với nhau mà có số điểm cao thì người chơi sẽ cược thêm tiền nhưng không quá 50.000đ. Đến cuối cùng khi lật bài lên ai có số điểm cao nhất thì sẽ được toàn bộ số tiền mọi người đã đặt cược. Cả 04 người cùng nhau chơi đến khoảng 18 giờ thì Sùng Mí P nghỉ chơi để đưa thợ làm sân đi ăn cơm ở nhà thứ hai cách nhà thứ nhất khoảng 800m. Sau đó mọi người cũng nghỉ chơi và ngồi uống nước đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Sùng Mí P quay lại ngồi chơi và có nói là “*Giờ ai thích đánh xóc đĩa ăn tiền thì đánh*” sau đó Sùng Mí P đi đến chỗ cửa sổ lấy 01 bộ đồ chơi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa có sẵn từ trước gồm 01 chiếc chén, 01 chiếc đĩa và 04 quân vị gồm 02 mặt, một mặt màu đỏ và một mặt màu trắng mang ra để trên tấm bìa cát tông có sẵn ở giữa nhà rồi Sùng Mí P, Thào Mí P, Vàng Mí P và Lùng Mí X cùng nhau ngồi quây vào chơi xóc đĩa. Mọi người cùng thống nhất mức cược thấp nhất là 10.000đ, cao nhất là 100.000đ. Hình thức chơi là đặt 04 quân vị lên trên chiếc đĩa rồi úp cái chén lên và bắt đầu xóc, lúc xóc xong thì mọi người bắt đầu đặt tiền cược vào bên chẵn hoặc bên lẻ ở hai bên chiếc đĩa theo hai bên tay người xóc đĩa, khi mở chén ra 02 hoặc 04 quân bài có mặt trên cùng là màu đỏ hoặc cùng là màu trắng thì tính là chẵn, nếu 01 hoặc 03 quân bài có mặt trên cùng là màu trắng hoặc cùng là màu đỏ thì tính là lẻ. Ai mở chén cũng được nhưng người mở chén là người phải cân tiền, nếu người chơi đặt cược bên chẵn mà khi mở chén ra về chẵn thì người chơi thắng và người mở chén sẽ phải trả cho người chơi số tiền tương ứng với số tiền mà người chơi đã đặt cược; nếu người chơi đặt lẻ mà khi mở chén lên mà về chẵn thì người chơi thua và người mở chén sẽ được lấy toàn bộ số tiền mà người chơi đã đặt cược và ngược lại. Mọi người cùng chơi được khoảng 05 phút thì Mua Sè L tham gia chơi cùng; đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Giàng Mí C tham gia chơi cùng, một lúc sau Chèo Cù C cũng tham gia chơi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì có Sùng Mí D đến và tham gia chơi. Cả 08 người đang chơi xóc đĩa ăn tiền đến 01 giờ sáng ngày 06/01/2019, thì bị Công an huyện Y, tỉnh H phát hiện bắt quả tang thu giữ được tổng số tiền là 10.287.000đ và 3.640NDT (*nhân dân tệ*) trong đó: Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 705.000đ và 200NDT; số tiền thu giữ trên người các bị cáo là 9.582.000đ và 3.440NDT; 01 tấm bìa cát tông màu nâu có in chữ nước ngoài; 04 quân vị một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ; 01 chiếc chén bằng sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng; 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài.

Tại bản kết luận giám định số 86/KL-PC09 ngày 19/01/2019 của phòng PC09 Công an tỉnh H kết luận “*Số tiền Việt Nam và tiền Trung Quốc gửi giám định là tiền thật*”.

Ngày 25/02/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã có văn bản gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Y để xác định tại thời điểm ngày 06/01/2019 số tiền 3.640NDT quy đổi sang tiền Việt Nam đồng là bao nhiêu?. Tại công văn số 02/NHNo-XNTG ngày 26/02/2019 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh H chi nhánh huyện Y xác định tỷ giá ngoại tệ quy

đổi thì: “01 NDT (nhân dân tệ) đổi sang tiền VNĐ là 3.383,5đ. Tổng số tiền quy đổi 3.640 (NDT)*3.383,5 (VNĐ) =12.315.940 (VNĐ)”.

Trong vụ án này, bị can Lùng Mí X trong thời gian được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đã bỏ trốn khỏi địa phương, hiện không xác định được bị can đang ở đâu do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can số 01/QĐ-VKS-YM ngày 03/04/2019 đồng thời CQCSĐT Công an huyện Y cũng ra Quyết định truy nã số 01/QĐTN ngày 03/04/2019 và tách ra khi nào bắt được bị can Lùng Mí Xá thì Viện kiểm sát sẽ truy tố xét xử sau.

* Vật chứng của vụ án:

- Số vật chứng hiện đang tạm giữ gồm:

+ Số tiền 10.287.000đ và 3.640NDT (Nhân dân tệ); 01 tấm bìa cát tông màu nâu có in chữ nước ngoài; 04 quân vị một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ; 01 chiếc chén bằng sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng; 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài.

- Còn số vật chứng đã tạm giữ trong quá trình điều tra gồm:

+ Một đăng ký xe mô tô số 002217 mang tên Sùng Mí P; một đăng ký xe mô tô số 005037 mang tên L Chử Tỏa; 01 giấy phép lái xe số 020099001025 mang tên Sùng Mí P tạm giữ của Sùng Mí P.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen; 01 đăng ký xe mô tô số 007288 mang tên Sùng Mí P; 01 giấy phép lái xe số AH146796 mang tên Sùng Mí P; 01 chứng minh thư nhân dân số 073424418 mang tên Sùng Mí P tạm giữ của Sùng Mí P.

+ Một chứng minh thư nhân dân số 073590942 mang tên Cháng Thị Dưa; 01 đăng ký xe mô tô số 0001391 mang tên Sùng Mí D; 01 giấy phép lái xe số 02016200258801 mang tên Sùng Mí D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đồng tạm giữ của Sùng Mí D.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen tạm giữ của L Mí Xá.

+ Một điện thoại di động màu trắng vàng, mặt sau có chữ Trung Quốc; 01 đăng ký xe mô tô số 004234 mang tên Mua Mí Thò tạm giữ của Thào Mí P.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu WDBOO màu tím của Mua Sè L.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng; 01 chứng minh thư nhân dân số 073540627 mang tên Giàng Mí C; 01 đăng ký xe mô tô số 003659 mang tên Giàng Chúng Tú tạm giữ của Giàng Mí C.

+ Một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu hồng của Chèo Cù C.

Trong quá trình điều tra xét thấy số vật chứng trên không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y đã trả lại cho chủ sở hữu theo quyết định xử lý vật chứng số 03 ngày 05/03/2019.

Trước cơ quan điều tra các bị cáo Sùng Mí P, Chèo Cù C, Sùng Mí P, L Mí Xá, Thào Mí P, Giàng Mí C, Sùng Mí D và Mua Sè L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đánh bạc của mình từ bút lục số 281 đến bút số 446; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang bút lục số 01 đến bút lục 04, lời khai của người làm chứng tại các bút lục số 447 đến bút lục số 462 và những tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS-YM ngày 04/04/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố các bị cáo Sùng Mí P, Thào Mí P, Sùng Mí P, Mua Sè L, Chèo Cù C, Giàng Mí C và Sùng Mí D về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên Tòa các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321 để tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”; áp dụng điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo:

- Sùng Mí P từ 18 (mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (Ba mươi sáu) đến 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án;

- Thào Mí P từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (Ba mươi) đến 36 (Ba sáu) tháng kể từ ngày tuyên án;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên phạt các bị cáo:

- Sùng Mí P từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ;
- Mua Sè L từ 9 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ;
- Giàng Mí C từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ;
- Chèo Cù C từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;
- Sùng Mí D từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo vì thuộc diện cận nghèo, sinh sống ở cùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không có tài sản, thu nhập.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy đối với số vật chứng là 01 tấm bìa cát tông màu nâu có in chữ nước ngoài; 04

quân vị một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ; 01 chiếc chén bằng sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng; 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số vật chứng là số tiền Số tiền 10.287.000đ (*Mười triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) và 3.640NDT (*Nhân dân tệ*) là số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc.

Về án phí đề nghị HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo vì các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa cho rằng: Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” do vậy việc điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người đúng tội đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo phải được xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mặt khác các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật hạn C, các bị cáo đều có nhân thân tốt có nơi cư trú ổn định rõ ràng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Sùng Mí P từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng; Thào Mí P từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Sùng Mí P từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Mua Sè L từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Giàng Mí C từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Chèo Cù C từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Sùng Mí D từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về án phí đề nghị miễn án phí cho các bị cáo vì thuộc diện cận nghèo, sinh sống ở cùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của

kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

[2] Tại cơ quan điều tra lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án gồm biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định... như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ tối ngày 05/01/2019, tại nhà Sùng Mí P các bị cáo đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức đánh xóc đĩa với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 10.287.000đ và 3.640NDT (*nhân dân tệ*), thì bị cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố là có căn cứ.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự ở địa phương và an toàn xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, là hệ lụy làm nảy sinh các loại tội phạm khác. Vì hám lợi, sát phạt lẫn nhau. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo tương xứng hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

[4] Xét vai trò từng bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nên khi lượng hình cần có mức án phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ của từng bị cáo trong vụ án, trong đó:

Đối với bị cáo Sùng Mí P là người chủ động khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền ngay tại nhà của mình nên cần xử lý bị cáo P với mức án cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

Đối với các bị cáo Thào Mí P, Vàng Mí P, Mua Sè L, Chèo Cù C, Giàng Mí C và Sùng Mí D là người được rủ rê tham gia cùng đánh bạc nên cần xử lý mức án tương xứng đối với từng bị cáo nhưng với mức án nhẹ hơn bị cáo Sùng Mí P.

[5] Về tình tiết định khung tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn C, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định rõ ràng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách L các bị cáo Sùng Mí P, Thào Mí P ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với các bị cáo Sùng Mí P, Mua Sè L, Giàng Mí C, Chèo Cù C và Sùng Mí D đều có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên không cần thiết phải cách L các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình thức cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự, các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam theo công thức quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Do vậy, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321 để tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”; áp dụng điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo:

- Sùng Mí P từ 18 (mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (Ba mươi sáu) đến 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án;

- Thào Mí P từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (Ba mươi) đến 36 (Ba sáu) tháng kể từ ngày tuyên án;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên phạt các bị cáo:

- Sùng Mí P từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ;
- Mua Sè L từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ;
- Giàng Mí C từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ;
- Chèo Cù C từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;
- Sùng Mí D từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo vì các bị cáo đều thuộc diện hộ cận nghèo, không có nghề nghiệp ổn định nên không có tài sản, thu nhập là có căn cứ để chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo:

- Sùng Mí P từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án;
- Thào Mí P từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án;
- Sùng Mí P từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ;
- Mua Sè L từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;
- Giàng Mí C từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;
- Chèo Cù C từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;
- Sùng Mí D từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

HĐXX xét thấy đề nghị mức hình phạt của người bào chữa đối với các bị cáo Chèo Cù C và Sùng Mí D tương đương với đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát do vậy HĐXX có căn cứ chấp nhận, đối với đề nghị mức hình phạt của người bào chữa đối với các bị cáo khác HĐXX xét thấy không có căn cứ và không chấp nhận đề nghị này.

[7] Về vật chứng: Đối với số vật chứng đang tạm giữ gồm:

+ 01 tấm bìa cát tông màu nâu có in chữ nước ngoài; 04 quân vị một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ; 01 chiếc chén bằng sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng; 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số vật chứng là số tiền 10.287.000đ và 3.640NDT (*Nhân dân tệ*) thu tại chiếu bạc là số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc, HĐXX xét thấy các bị cáo Sùng Mí P, Thào Mí P, Sùng Mí P, Mua Sè L, Giàng Mí C và Sùng Mí D sử dụng tiền đánh bạc có nguồn gốc chủ yếu từ việc đi lao động làm thuê, bán hàng mà có, còn bị cáo Chèo Cù C tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa đều khai nhận bị cáo sử dụng số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và 300NDT (*Ba trăm Nhân dân tệ*) có nguồn gốc đi rút tiền em gái bị cáo ở Trung Quốc gửi về cho gia đình, HĐXX nhận thấy quá trình giải quyết vụ án không có căn cứ chứng minh nguồn gốc số tiền bị cáo khai nhận, bị cáo đã sử dụng 1.460.000đ (*Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) vào việc đánh bạc, do đó cần được tịch thu sung quỹ nhà nước, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.287.000đ (*Mười triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) và 3.640NDT (*Nhân dân tệ*).

Những vật chứng khác tạm giữ trong giai đoạn điều tra không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu tài sản, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015, chính vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được xem xét miễn toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Sùng Mí P, Thào Mí P, Sùng Mí P, Mua Sè L, Chèo Cù C, Giàng Mí C và Sùng Mí D phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo:

- Sùng Mí P 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2019);

- Thào Mí P 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2019).

Giao các bị cáo Sùng Mí P, Thào Mí P cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh H giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Sùng Mí P, Thào Mí P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh H trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo:

- Sùng Mí P 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh H nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao Bản án.

- Mua Sè L 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh H nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao Bản án.

- Chèo Cù C 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh H nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao Bản án.

- Giàng Mí C 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thắng Mố, huyện Y, tỉnh H nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao Bản án.

- Sùng Mí D 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh H nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao Bản án.

Các bị cáo Sùng Mí P, Mua Sè L, Chèo Cù C, Giàng Mí C, Sùng Mí D được miễn khấu trừ thu nhập vì gia đình các bị cáo đều thuộc diện hộ cận nghèo, không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định Luật Thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Sùng Mí P, Giàng Mí C cho Ủy ban nhân dân xã Thắng Mố, huyện Y, tỉnh H giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Sùng Mí P, Giàng Mí C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thắng Mố, huyện Y, tỉnh H trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Giao các bị cáo Mua Sè L, Chèo Cù C, Sùng Mí D cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh H giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Mua Sè L, Chèo Cù C, Sùng Mí D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh H trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy đối với số vật chứng là 01 tấm bìa cát tông màu nâu có in chữ nước ngoài; 04 quân vị một mặt màu trắng, một mặt màu đỏ; 01 chiếc chén bằng sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng; 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số vật chứng là số tiền dùng để đánh bạc 10.287.000đ (*Mười triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) và 3.640NDT (*Nhân dân tệ*).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y ngày 17/4/2019).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí P, Thào Mí P, Sùng Mí P, Mua Sè L, Chèo Cù C, Giàng Mí C và Sùng Mí D.

Vụ án được xét xử công khai, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Trại tạm giam công an tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Y;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Y;
- Các bị cáo;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y;
- Ủy ban nhân dân xã Thắng Mố, huyện Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chiêu

